



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 5 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm hiệu chuẩn**
Phòng kỹ thuật sản xuất

Laboratory: **Experiment Calibration Laboratory**
Technical Department

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch Vụ Khí**

Organization: **PetroVietnam Gas Services Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 389**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Đo lường - Hiệu chuẩn**
Measurement - Calibration

Người quản lý:
Laboratory manager: **Phan Việt Anh**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày /05/2025 đến ngày 09/05/2030**

Địa chỉ/Address: **Số 101, Đường Lê Lợi, phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu,**
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
101 Le Loi street, Thang Nhi ward, Vung Tau city, Ba Ria - Vung Tau
province

Địa điểm/Location: **Xưởng BDSC các công trình Khí, Đường số 12, khu công nghiệp**
Đông Xuyên, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Maintenance Workshop, Road No.12, Dong Xuyen industrial zone,
Ba Ria - Vung Tau province

Điện thoại/ Tel: **0254 3586 376 Ext 3949**

E-mail: **dvk-lab@pvgas.com.vn**

Website: **www.pvgas.com.vn**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 389

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Áp suất (x)**

Field of calibration: **Pressure**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand or equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Áp kế, chân không kế kiểu lò xo và hiện số <i>Pressure and vacuum gauge with digital and dial indicating type</i>	(-1 ~ 1) bar	ĐLVN 76:2001 DVK.LAB.TM.22: 2025	0,00034 bar
		(1 ~ 2) bar		0,0012 bar
		(2 ~ 10) bar		0,0024 bar
		(10 ~ 100) bar		0,018 % of Rdg
		(100 ~ 200) bar		0,024 bar
		(200 ~ 700) bar		0,05 bar
		(700 ~ 1 000) bar		0,08 bar
		(0 ~ 1 000) mbar Diff		0,055 % of Rdg
		(1 ~ 118) bar Diff		0,020 % of Rdg
2.	Bộ chuyển đổi áp suất <i>Pressure transducer and transmitter</i>	(-1 ~ -0,35) bar	ĐLVN 112:2002 DVK.LAB.TM.21: 2025	0,0006 bar
		(-350 ~ 0) mbar		0,049 mbar
		(0 ~ 70) mbar		0,011 mbar
		(70 ~ 350) mbar		0,043 mbar
		(0,35 ~ 1) bar		0,0009 bar
		(1 ~ 2) bar		0,0012 bar
		(2 ~ 10) bar		0,0025 bar
		(10 ~ 100) bar		0,027 % of Rdg
		(100 ~ 200) bar		0,025 bar
		(200 ~ 700) bar		0,081 bar
		(700 ~ 1 000) bar		0,09 bar
		(0 ~ 1 000) mbar Diff		0,021 % of Rdg
		(1 ~ 118) bar Diff		0,018 % of Rdg

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 389

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand or equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
3.	Thiết bị đặt mức áp suất <i>Pressure switches</i>	(-1 ~ 1) bar	ĐLVN 133:2004	0,00011 bar
		(0 ~ 70) mbar		0,0051 mbar
		(70 ~ 350) mbar		0,11 mbar
		(0,35 ~ 1) bar		0,19 mbar
		(1 ~ 2) bar		0,0011 bar
		(2 ~ 34) bar		0,0022 bar
		(34 ~ 200) bar		0,022 bar
		(200 ~ 700) bar		0,042 bar
		(700 ~ 1 000) bar		0,084 bar

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 389

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Nhiệt (x)**Field of calibration: **Temperature**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand or equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự <i>Digital and Analog Thermometers</i>	(-100 ~ 155) °C	ĐLVN 138:2004	0,062 °C
		(155 ~ 400) °C		0,24 °C
		(400 ~ 650) °C		0,30 °C
2.	Bộ chuyển đổi đo nhiệt độ <i>Temperature transducer and transmitter</i>	(-100 ~ 155) °C	DVK.LAB.TM.12: 2024	0,063 °C
		(155 ~ 400) °C		0,24 °C
		(400 ~ 650) °C		0,30 °C
3.	Nhiệt kế điện trở nhiệt platin công nghiệp <i>Industrial Platinum resistance - thermometer</i>	(-100 ~ 155) °C	ĐLVN 125:2003	0,091 °C
		(155 ~ 400) °C		0,25 °C
		(400 ~ 650) °C		0,37 °C
4.	Cặp nhiệt điện công nghiệp <i>Industrial thermocouples</i>	(-100 ~ 155) °C	ĐLVN 161:2005	0,38 °C
		(155 ~ 400) °C		0,86 °C
		(400 ~ 650) °C		1,4 °C
5.	Thiết bị chỉ thị hiện số và tương tự <i>Digital and Analog temperature indicators</i>	(-200 ~ 2000) °C	ĐLVN 160:2005	0,16 °C
6.	Thiết bị đặt mức nhiệt độ <i>Temperature switches</i>	(-100 ~ 155) °C	DVK.LAB.TM.13: 2024	0,064 °C
		(155 ~ 400) °C		0,24 °C
		(400 ~ 650) °C		0,31 °C

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 389

Chú thích/ Notes:

- ĐLVN: Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam/ *Vietnam technical measurement document*
- DVK.LAB.TM ... Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- (x): Lĩnh vực có các phép thử thực hiện tại hiện trường/ *Testing field perform on-site tests*
- (1): Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, sử dụng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa/ *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits*

Trường hợp Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the PetroVietnam Gas Services Company that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the services..*

